

Ngày 02 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
<b>Hôm trước chuyển sang</b>					0
<b>Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày</b>			20,172.41	754	15,210,000
<b>Được chi trong ngày</b>					15,210,000
<b>Đã chi trong ngày</b>					15,210,000
<b>1. Dịch vụ</b>					<b>1,528,800</b>
1	Dịch vụ thu		0	390	0
2	Dịch vụ thu		4,200	364	1,528,800
3			0	364	0
<b>2. Kho</b>					<b>2,581,644</b>
<b>Ăn chính</b>					<b>2,581,644</b>
1	Gạo tẻ	Kg	24,000	32	768,000
2	Sữa bột Nuti trường học	Kg	259,092	7	1,813,644
<b>3. Đi chợ</b>					<b>11,099,556</b>
<b>Ăn sáng</b>					<b>3,931,200</b>
1	Cà chua	Kg	30,000	8	240,000
2	Củ sắn	Kg	20,000	4	80,000
3	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.6	128,000
4	Hành tây	Kg	20,000	4	80,000
5	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
6	Nấm mèo (Mộc nhĩ)	Kg	150,000	0.5	75,000
7	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.5	75,000
8	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	11.1	1,443,000
9	Đường cát	Kg	30,000	1.5	45,000
10	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.5	37,500
11	Mọc (Giò sống)	Kg	140,000	4	560,000
12	Bột bắp	Kg	100,000	1.5	150,000
13	Bánh mì Sandwich (Bánh mì lát)	Gói	20,000	38	760,000
14	Muối iốt	Gói	4,000	1.93	7,700
15	Ngò rí	Kg	50,000	1	50,000
16	Hành lá	Kg	50,000	1	50,000
<b>Ăn chính</b>					<b>7,168,356</b>
1	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.1	88,000
2	Tỏi	Kg	150,000	1.2	180,000
3	Nấm rơm	Kg	140,000	3	420,000
4	Dầu thực vật	Kg	50,000	1.4	70,000
5	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	6	780,000
6	Tôm biển	Kg	230,000	1.2	276,000
7	Trứng gà	Chai	4,000	35	140,000
8	Đường cát	Kg	30,000	1.4	42,000
9	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	2	50,000
10	Muối iốt	Chai	4,000	1.46	5,856
11	Ngò rí	Kg	50,000	1.1	55,000
12	Sữa chua Ánh Hồng	Kg	4,200	390	1,638,000
13	Hành lá	Gói	50,000	1.2	60,000
14	Đu Đủ lõi vàng	Gói	20,000	13.1	262,000
15	Bột chiên giòn hải sản Aji quick	Kg	25,000	5	125,000
16	Rau Cải	Kg	35,000	3.5	122,500

17	cá tầm phi lê	Kg	220,000	11.5	2,530,000
18	hạt màu điều	Chai	10,000	1	10,000
19	Đường phèn	Kg	35,000	0.4	14,000
20	sợi mì quảng	Kg	20,000	12	240,000
21	Củ cái	Kg	20,000	3	60,000
<b>Chi kho lũy kế từ đầu tháng</b>					5,499,288
<b>Chi chợ lũy kế từ đầu tháng</b>					21,970,512
<b>Suất ăn lũy kế từ đầu tháng</b>					1,514
<b>Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng</b>					30,540,000
<b>Đã chi lũy kế từ đầu tháng</b>					30,540,000
<b>Chênh lệch cuối ngày</b>					

Kế toán

  
Phạm Thị Ngà



Phó hiệu trưởng

Phan Thị Hồng Hué